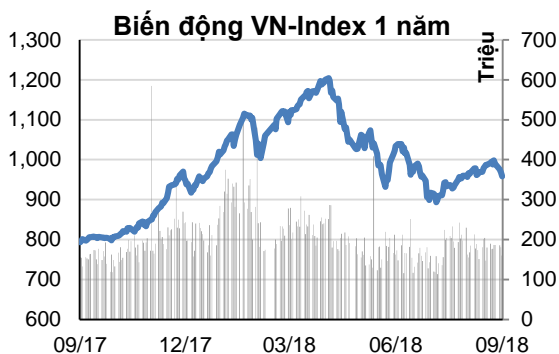


Biến động thị trường

	24/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	1,011	2.5%	2.9%
GTGD	4,388	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	54	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Duy trì đà tăng

- Thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng sau khi VN-Index vượt thành công mốc tâm lý 1,000 điểm. Chỉ số tăng 0.83% và đóng cửa ở mức 1,011.29 điểm, trong khi đó HNX-Index lại suy yếu 0.18%. Thanh khoản đạt mức 167 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương ứng 3,721 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường cân bằng khi có 146 mã tăng và 143 mã giảm. VNMid-Index và VNSmall-Index đi lên 0.14% và 0.51%, đặc biệt VN30-Index bứt phá 1.15%.
- Dầu khí dẫn dắt xu hướng thị trường nhờ các ông lớn PVD, GAS và PVS. Một số cổ phiếu trong VN30 cũng tăng mạnh trên 2% như BMP, KDC, MSN, NVL, PLX, SBT và VRE. Chiều ngược lại, BID, VNM, CTG, VPB, TCB và STB chìm trong sắc đỏ dưới áp lực chốt lời.
- Khối ngoại quay lại mua ròng trên sàn HSX với giá trị 54 tỷ đồng. Nhóm này mua mạnh MSN, HPG và VCB với giá trị tương ứng 42.4 tỷ đồng, 26.6 tỷ đồng và 18.6 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, BID, GEX và VJC bị bán ra nhiều nhất.

Nhận định thị trường: Trong ngắn hạn, xu hướng tăng đang tiếp tục và dòng tiền đổ vào nhóm dầu khí. Tâm lý thị trường trở nên tích cực nên nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ trọng cổ phiếu lớn trong danh mục và tập trung vào những mã dẫn dắt.

Trái phiếu và Hàng hóa

	24-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.050%	4.175%	2.275%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.225%	4.525%	3.023%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.000%	5.200%	4.813%
Dầu WTI (\$/thùng)	72.31	68.72	68.58
Gold (\$/oz)	1,199	1,206	1,269

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	20.2	17.2	14.5

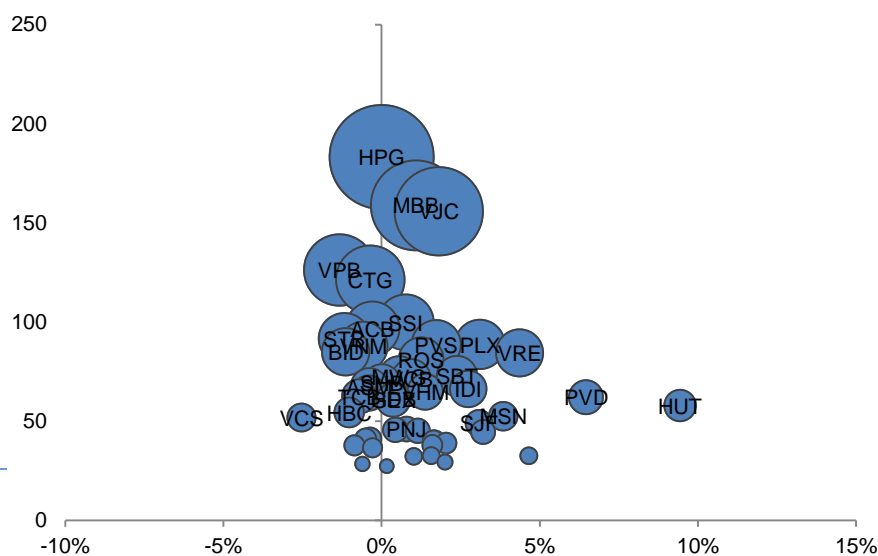
Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468
Phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
Hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

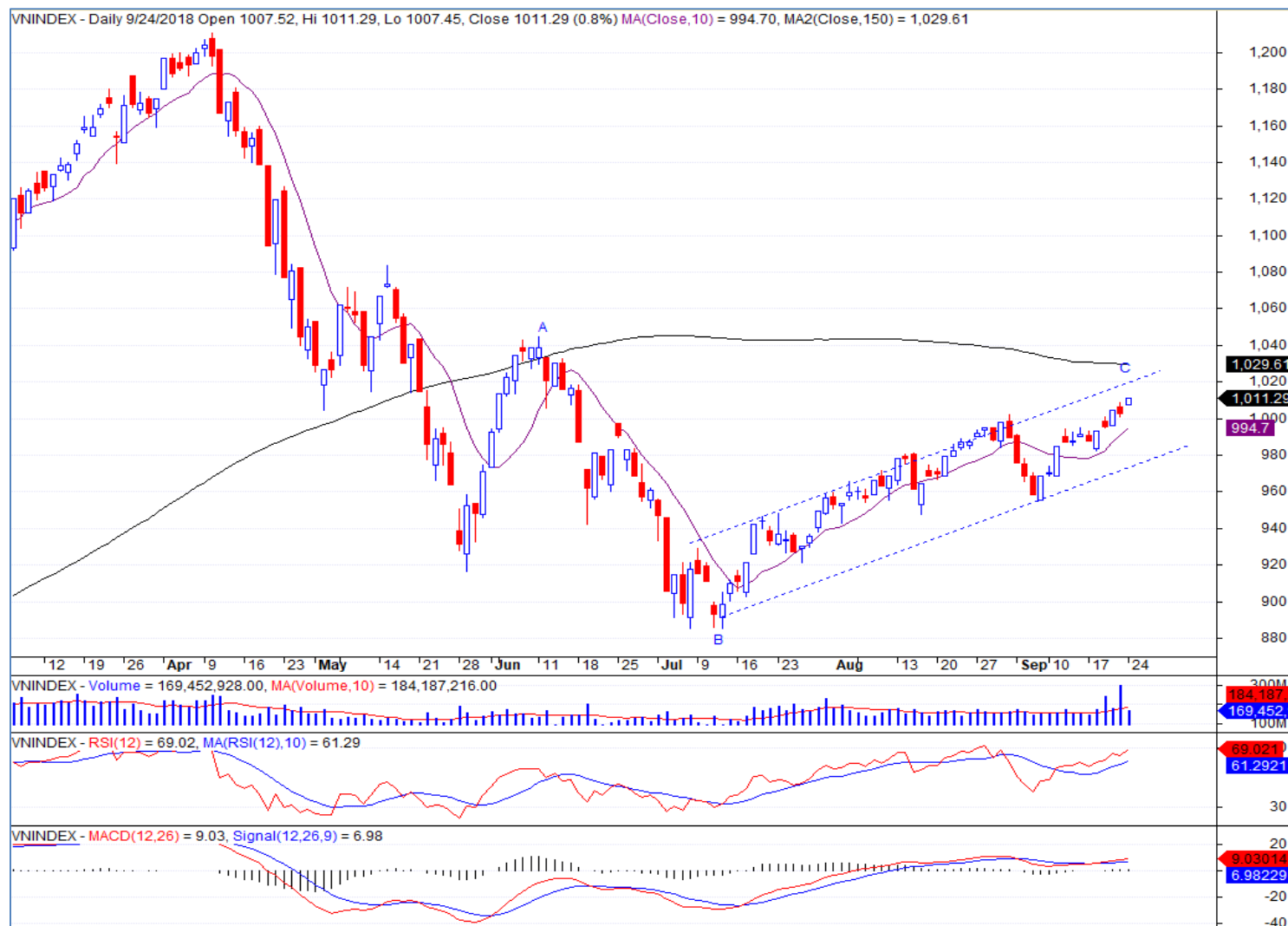
Hỗ trợ 1: 990-995

Kháng cự 1: 1,030-1,040

Hỗ trợ 2: 970-980

Kháng cự 2: 1,060-1,080

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index hình thành mẫu hình nền tăng điểm Bullish Belt-Hold đồng thời khối lượng khớp lệnh đạt mức xấp xỉ mức trung bình 10 phiên gần nhất với 169 triệu đơn vị phản ánh sự tham gia tích cực của dòng tiền. Tín hiệu trên tiếp tục củng cố xu hướng tăng đang hình thành và phát triển.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index đang đi lên theo kênh giá tăng được vẽ từ đầu tháng 07/2018 cho thấy xu hướng của VN-Index đang là tăng điểm và xu hướng tăng vẫn đang hình thành và phát triển. Các chỉ báo kỹ thuật đồng thuận tín hiệu tăng với RSI đi lên mạnh trong khi MACD cắt lên đường Signal. Vùng cản trước mắt cho chỉ số nằm tại MA(200) tương ứng quanh 1,030 điểm.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự kiến đang hình thành với vùng giá mục tiêu quanh 1,012-1,024 điểm.

Hành động

VN-Index vẫn đang tiếp diễn xu hướng tăng. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có xung lực tốt với dòng tiền tham gia tích cực đồng thời nâng tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp điều chỉnh (tỷ trọng khuyến nghị: 60% cổ phiếu: 40% tiền mặt)

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	1,011	8.32	0.8%	SL CP tăng giá	146
KLGD ('000 cổ phiếu)	186,723	-115,729	-38.3%	SL CP giảm giá	143
GTGD (tỷ VND)	4,388	-4,798	-52.2%	SL CP không đổi	76

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
MSN	94,500	3,500	1.28	BID	34,900	-400	-0.431	HPG	41,300	4.43	183.2
VHM	102,900	1,400	1.18	VNM	137,000	-800	-0.366	MBB	23,200	6.83	158.9
NVL	64,100	4,100	1.17	VPB	25,950	-350	-0.267	VJC	152,100	1.03	155.9
GAS	117,800	1,900	1.15	TCB	28,100	-200	-0.220	VPB	25,950	4.82	126.2
VIC	99,600	1,000	1.01	CTG	28,000	-100	-0.117	CTG	28,000	4.33	121.4

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Năng lượng	3.0%	1.01
Bất động sản	1.8%	4.36
Dịch vụ tiện ích	1.4%	1.20
Công nghiệp	1.1%	0.88
TD thiết yếu	0.6%	1.07

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Tài chính	-0.1%	-0.22

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	116	-0.21	-0.2%	SL CP tăng giá	106
KLGD ('000 cổ phiếu)	48,620	-21,022	-30.2%	SL CP giảm giá	79
GTGD (tỷ VND)	598	-356	-37.3%	SL CP không đổi	189

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
PVS	23,600	400	0.09	ACB	34,300	-100	-0.13	ACB	34,300	2.81	96.6
HUT	5,800	500	0.09	HHC	85,100	-9,400	-0.09	PVS	23,600	3.78	88.5
TNG	16,500	1,300	0.05	VCS	96,300	-2,500	-0.08	SHB	8,900	7.77	69.0
PTI	20,100	1,600	0.03	OCH	5,900	-600	-0.06	HUT	5,800	10.43	57.9
NVB	9,000	100	0.03	DL1	33,800	-1,000	-0.05	VCS	96,300	0.53	51.8

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	33.1%	0.00
TD thiết yếu	10.3%	-0.12
Công nghiệp	5.9%	-0.05
CNTT	4.7%	0.01
TD không thiết yếu	3.9%	-0.02

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	-0.7%	0.00

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
MSN	94,500	57.7	15.3	42.4
HPG	41,300	64.3	37.6	26.6
VCB	65,200	20.1	1.5	18.6
VRE	39,500	31.1	15.0	16.1
VNM	137,000	51.7	36.6	15.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
BID	34,900	1.5	28.6	-27.1
GEX	27,900	0.0	21.1	-21.1
VJC	152,100	0.2	13.0	-12.9
DIG	17,650	0.2	9.7	-9.5
VHM	102,900	26.4	35.0	-8.5

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

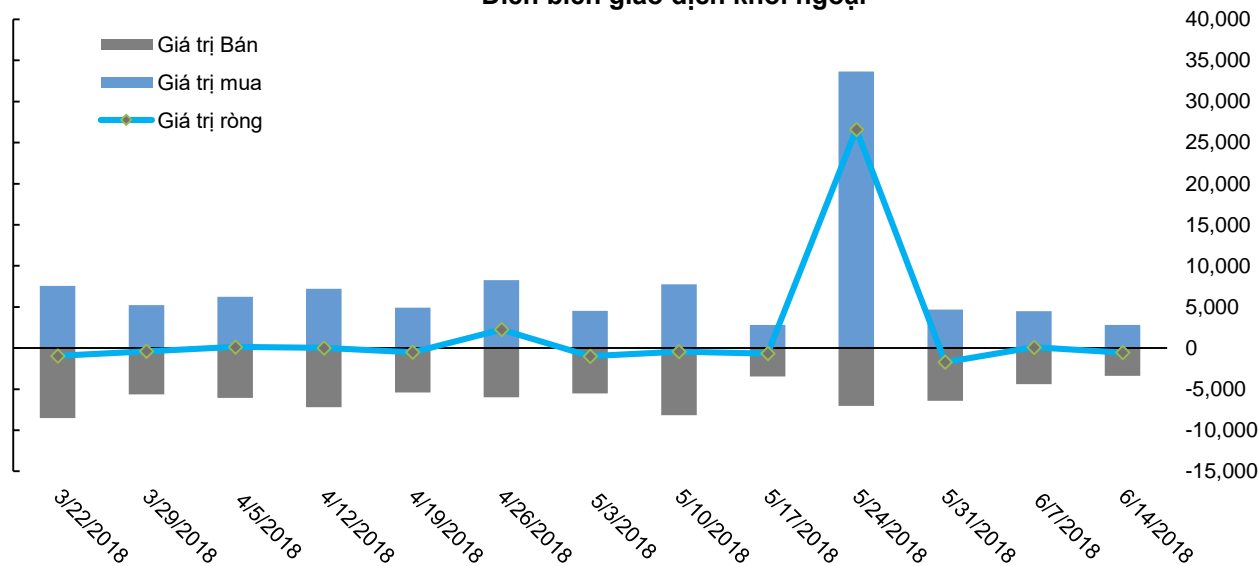
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	23,600	1.5	0.0	1.5
VGC	18,800	1.9	0.5	1.4
SHS	16,600	1.0	0.0	1.0
CDN	15,800	0.1	0.0	0.1
THT	6,300	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VCS	96,300	0.0	3.3	-3.3
TIG	2,900	0.0	2.5	-2.5
SHB	8,900	0.0	1.5	-1.5
PVB	21,800	0.0	1.4	-1.4
BVS	15,000	0.0	0.5	-0.5

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 970

Kháng cự 1: 990

Hỗ trợ 2: 940

Kháng cự 2: 1,010

VN30 - Daily 9/24/2018 Open 974.47, Hi 986.3, Lo 974.47, Close 985.59 (1.1%) MA(Close,5) = 970.73, MA2(Close,150) = 1,010.34



Nhận định xu hướng: VN30-Index duy trì xung lực tăng khá tốt với mức mẫu hình nền tăng điểm có thân nến dài. Dòng tiền duy trì tích cực với khối lượng đạt xấp xỉ trung bình 10 phiên gần nhất tương ứng hơn 55 triệu đơn vị. Không có nhiều thay đổi khi quan điểm kỹ thuật về chỉ số vẫn đang là tăng điểm và xu hướng tăng đang là chủ đạo.

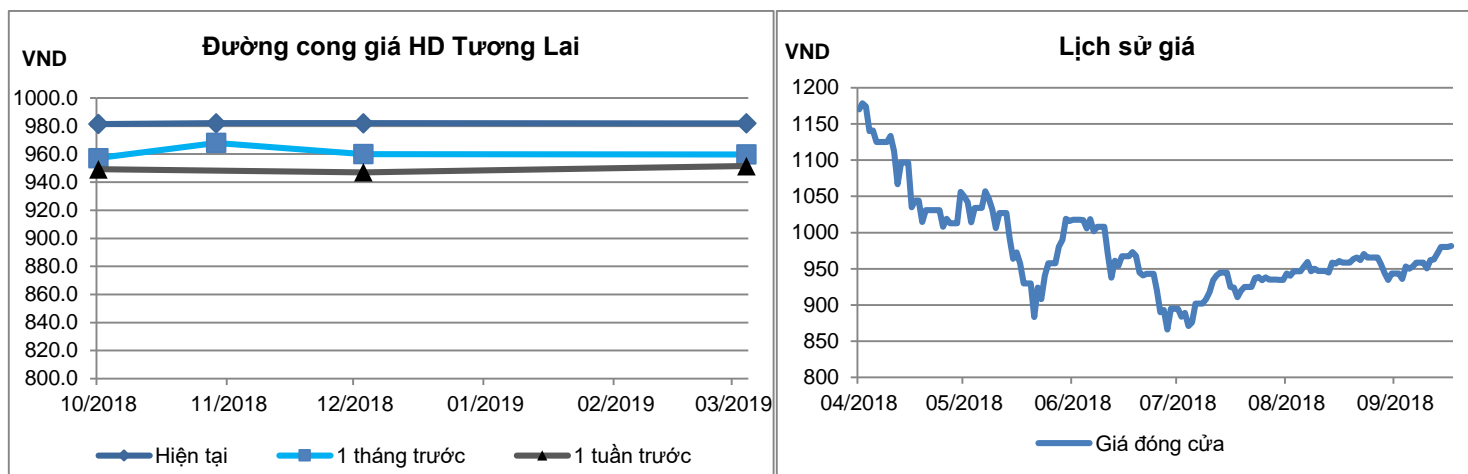
Các chỉ báo xung lực giá và xu hướng như RSI và MACD cũng xác nhận tín hiệu tăng giá với RSI đang gia tăng khá dốc. Tín hiệu từ chỉ báo RSI cho thấy dự địa tăng vẫn còn tiếp tục với mục tiêu trước mắt cho chỉ số quanh 990-1,000 điểm. Hỗ trợ quan trọng cho chỉ số vùng 965-970 điểm.

Chiến lược đầu tư:

-Long VN30F1810 ở nhịp điều chỉnh với điểm vào kỳ vọng của chúng tôi quanh 971-974 điểm. Mục tiêu 990 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng hoàn toàn ngưỡng 968 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa		+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	986	11.2	1.1%	117,096,540				
VN30F1810	982	1.5	0.2%	69,909	13,413		18/10/2018	26
VN30F1811	982	3.5	0.4%	204	73		15/11/2018	54
VN30F1812	982	4.0	0.4%	66	566		20/12/2018	89
VN30F1903	982	3.5	0.4%	36	210		21/03/2019	180



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadep	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815

MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
25/09/2018	CTP	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10%)
25/09/2018	ADP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)
25/09/2018	CI5	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
25/09/2018	TTF	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
25/09/2018	PAN	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
26/09/2018	THG	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1.200 đ/cp)
26/09/2018	BLN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (230đ/cp)
26/09/2018	VLB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
27/09/2018	TRS	Upcom	Đã thu hồi 3.700 CP ESOP
27/09/2018	SEA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
27/09/2018	HTV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (1.200 đ/cp)
27/09/2018	ST8	HSX	Trả cổ tức năm 2018 (1.500 đ/cp)
27/09/2018	IKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450đ/cp)
27/09/2018	MPC	Upcom	Giao dịch 1.537.150 cổ phiếu niêm yết bổ sung
27/09/2018	DAG	HSX	Trả cổ tức năm 2017 (500 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 20:1)
27/09/2018	KPF	HSX	Chi cổ tức năm 2016, 2017 (1.000 đ/cp)
28/09/2018	HBW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (520đ/cp)
28/09/2018	DBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (270đ/cp)
28/09/2018	NBP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.020đ/cp)
28/09/2018	UPC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.